

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ
trong lĩnh vực Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên
tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐT BXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi
tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Y tế tại Tờ trình số 2748/TTr-SYT ngày 17
tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị công bố Danh mục thủ tục hành chính được
bãi bỏ, thay thế trong lĩnh vực Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản
lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ trong lĩnh vực Giám định y khoa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ: Thủ tục hành chính số 13, số 14, số 16, số 17, số 18, số 19, số 20, số 21 khoản II mục A Danh mục kèm theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/h);
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh (để t/h);
- Viễn thông Kon Tum (để p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

CHỦ TỊCH**Lê Ngọc Tuấn**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (CẤP TỈNH): 03 TTHC

| STT | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Cách thức thực hiện | | |
|----------|---|--|--|----------------------------|---|--|---------------------|------------|--------------------|
| | | | | | | | Trực tiếp | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I | Lĩnh vực: Giám định y khoa (03 TTHC) | | | | | | | | |
| 1 | 1.011798.H 34 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 65 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Giám định Y khoa | Phí: (Căn cứ Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa) | - Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị | X | | X |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|--|--|
| | | | | | <p>định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</p> <p>- Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định Y khoa thực hiện;</p> <p>- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/2/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p> | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|--|--|

| | | | | | | | | | |
|---|------------------|--|--|----------------------------|--|--|---|--|---|
| 2 | 1.011799.H 34 | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | 65 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Giám định Y khoa | Phí: (Căn cứ Thông tư số 243/2016/T T-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; - Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - | X | | X |
|---|------------------|--|--|----------------------------|--|--|---|--|---|

| | | | | | | | | | |
|---|------------------|---|---|-----------------------------------|---|--|---|--|---|
| | | | | | | <p>Thương binh và Xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định Y khoa thực hiện; - Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01/2/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp. | | | |
| 3 | 1.011800.H 34 | <p>Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định Y khoa đã ban hành Biên bản khám</p> | <p>95 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>Trung tâm Giám định Y khoa</p> | <p>Phí: (Căn cứ Thông tư số 243/2016/T T-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của | X | | X |

| | | | | | | | | | |
|--|--|-----------|--|--|---------|---|--|--|--|
| | | giám định | | | y khoa) | <p>Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>- Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;</p> <p>- Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định Y khoa thực hiện;</p> <p>- Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày</p> | | | |
|--|--|-----------|--|--|---------|---|--|--|--|

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|
| | | | | | | 01/2/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp. | | | |
|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (CẤP TỈNH): 08 TTHC

| STT | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ |
|----------|---|--|---|
| I | Lĩnh vực: Giám định y khoa (08 TTHC) | | |
| 1 | 1.000461.000.00.00.H34 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh | Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/ TTLT-BYT-BLĐTĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện. |
| 2 | 1.000439.000.00.00.H34 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh | |
| 3 | 1.000278.000.00.00.H34 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | |
| 4 | 1.000276.000.00.00.H34 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | |
| 5 | 1.000272.000.00.00.H34 | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách | |

| | | | |
|---|------------------------|--|--|
| | | quan, không chính xác | |
| 6 | 1.000269.000.00.00.H34 | Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | |
| 7 | 1.000262.000.00.00.H34 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định | |
| 8 | 1.000101.000.00.00.H34 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định | |

Tổng cộng: 11 Thủ tục hành chính (trong đó: 03 thủ tục mới ban hành cấp tỉnh, 08 thủ tục bãi bỏ cấp tỉnh).